

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ HÀ ĐÔNG



GIÁO TRÌNH
CHÍNH SÁCH DÂN SỐ
Tài liệu đào tạo sơ cấp dân số y tế

Hà Nội - Năm 2011

LỜI NÓI ĐẦU

Chính sách dân số có vai trò định hướng mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, hoạt động nhằm làm thay đổi xu hướng hiện tại của dân số cho phù hợp và đảm bảo cho sự phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững của toàn xã hội và của từng ngành, địa phương, cơ sở. Nắm vững lý luận và thực tiễn về các chủ trương, biện pháp, quy định, hướng dẫn của chính sách dân số sẽ giúp sinh viên sau khi ra trường có đủ kiến thức và năng lực trong việc tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình. Đồng thời, có đủ năng lực tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp trong việc cụ thể hóa chính sách dân số của địa phương cơ sở cho phù hợp với điều kiện của ngành, địa phương và cơ sở.

Nhằm kịp thời đáp ứng yêu cầu đào tạo đối tượng sơ cấp Dân số - Y tế, một mã ngành mới có ở Việt Nam, chúng tôi đã tiến hành biên soạn giáo trình Chính sách dân số làm tài liệu học tập cho đối tượng là sinh viên đạt trình độ chuyên môn sơ cấp dân số - y tế.

Giáo trình được biên soạn theo chương trình giảng dạy sơ cấp dân số - y tế đã được phê duyệt. Giáo trình gồm bốn bài:

Bài 1: Những vấn đề cơ bản về chính sách dân số

Bài 2: Chính sách dân số của một số nước trên thế giới

Bài 3: Chính sách dân số Việt Nam

Bài 4: Nội dung cơ bản của chính sách dân số hiện hành ở Việt Nam

Xin chân thành cảm ơn các cán bộ khoa học thuộc Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình, Trung tâm Dân số và các vấn đề xã hội - Trường Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội và các chuyên gia dân số thuộc Quỹ dân số Liên hợp quốc tại Việt Nam đã có những ý kiến đóng góp quý báu giúp chúng tôi hoàn thiện giáo trình này.

Đây là giáo trình biên soạn lần đầu dành riêng cho đối tượng trung học Dân số - Y tế, vì vậy không tránh khỏi những thiếu sót, chúng tôi mong nhận được những ý kiến đóng góp quý báu của các nhà khoa học, nhà quản lý và đồng đạo bạn đọc.

Các tác giả

MỤC LỤC

	Trang
LỜI NÓI ĐẦU	ii
Bài 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ CHÍNH SÁCH DÂN SỐ	1
I. KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM VÀ VAI TRÒ CỦA CHÍNH SÁCH DÂN SỐ	1
1. Khái niệm về chính sách dân số	1
2. Đặc điểm của chính sách dân số	1
3. Khái niệm hợp lý về chính sách dân số ở nước ta	2
4. Vai trò của chính sách dân số	2
II. PHẠM VI CỦA CHÍNH SÁCH DÂN SỐ	2
1. Những chính sách khuyến khích sinh	2
2. Những chính sách hạn chế sinh	3
III. PHÂN LOẠI CHÍNH SÁCH DÂN SỐ	4
1. Phân loại theo quá trình dân số	4
2. Phân loại theo kết quả dân số	5
3. Phân loại theo hướng tác động	5
4. Phân loại theo hình thức thể hiện	5
IV. RÀ SOÁT, KIỂM TRA CHÍNH SÁCH DÂN SỐ	5
1. Tự rà soát, kiểm tra	5
2. Rà soát, kiểm tra của cơ quan, người có thẩm quyền	5
3. Rà soát, kiểm tra khi nhận được yêu cầu, kiến nghị	6
V. XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH DÂN SỐ	6
1. Quy trình xây dựng chính sách	6
2. Mô hình hoạch định chính sách sử dụng bằng chứng	6
3. Xây dựng chính sách dân số dựa vào yếu tố tác động	6
4. Điều kiện để ban hành chính sách	7
5. Phương pháp lựa chọn ban hành chính sách dân số.	8
VI. ĐÁNH GIÁ CHÍNH SÁCH DÂN SỐ	8
1. Khái niệm đánh giá chính sách	8
2. Phân loại đánh giá chính sách	8
Bài 2. CHÍNH SÁCH DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI	9
I. CHÍNH SÁCH DÂN SỐ THẾ GIỚI	9
1. Quá trình hình thành chính sách dân số thế giới	9
II. CHÍNH SÁCH DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ NƯỚC	9
1. Trung Quốc	9
2. Hàn Quốc	11
3. Singapore	13
4. Thái Lan	16
5. Indonesia	17
6. Ấn Độ	18

Bài 3. CHÍNH SÁCH DÂN SỐ VIỆT NAM	20
I. CHÍNH SÁCH DS-KHHGĐ GIAI ĐOẠN 1961-1975	20
II. CHÍNH SÁCH DS-KHHGĐ GIAI ĐOẠN 1975-1991	21
III. CHÍNH SÁCH DS-KHHGĐ ĐẾN NĂM 2000	22
IV. CHÍNH SÁCH DÂN SỐ VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2001-2010	23
1. Các quan điểm cơ bản	24
2. Mục tiêu và kết quả thực hiện mục tiêu	24
3. Các giải pháp và việc thực hiện các giải pháp	24
4. Phương thức triển khai chính sách	25
5. Tổ chức bộ máy	25
V. BÀI HỌC KINH NGHIỆM CỦA CHÍNH SÁCH DÂN SỐ VIỆT NAM	25
1. Bài học thành công	25
2. Bài học của những hạn chế	26
Bài 4. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA CHÍNH SÁCH DÂN SỐ HIỆN HÀNH Ở VIỆT NAM	27
I. ĐIỀU CHỈNH QUY MÔ DÂN SỐ	27
1. Các quy định chung	27
2. Thực hiện gia đình ít con	28
3. Thực hiện kế hoạch hoá gia đình	29
4. Khuyến khích sử dụng biện pháp tránh thai	31
5. Giảm nạo, phá thai	32
II. ĐIỀU CHỈNH CẤU CẢU DÂN SỐ	32
1. Các quy định chung	32
2. Giảm mất cân bằng giới tính khi sinh	33
3. Bảo vệ các dân tộc thiểu số	34
III. PHÂN BỐ DÂN CƯ	35
1. Các quy định chung	35
IV. CHẤT LƯỢNG DÂN SỐ	36
1. Các quy định chung	36
2. Kiểm tra sức khỏe di truyền và sức khỏe trước khi kết hôn	37
V. CÁC GIẢI PHÁP	38
1. Tuyên truyền, vận động, giáo dục về dân số	38
2. Nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ SKSS, KHHGĐ	39

Bài 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ CHÍNH SÁCH DÂN SỐ

Mục tiêu:

1. Nêu được một khái niệm, đặc điểm và vai trò của chính sách dân số
2. Nêu được lý thuyết xác định phạm vi chính sách dân số và thực tiễn vận dụng về phạm vi chính sách dân số của các nước và Việt Nam.
3. Trình bày được các cách phân loại chính sách dân số.

Nội dung:

I. KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM VÀ VAI TRÒ CỦA CHÍNH SÁCH DÂN SỐ

1. Khái niệm về chính sách dân số

Chính sách dân số được quan niệm theo nghĩa rộng hay nghĩa hẹp tùy thuộc vào mục tiêu cần đạt được trong từng giai đoạn nhất định ở mỗi quốc gia. Có khá nhiều khái niệm về chính sách dân số, mỗi khái niệm có những đặc thù riêng, theo cách nhìn nhận riêng hoặc tùy theo tính cấp bách đối với việc điều chỉnh sự phát triển và di chuyển của dân cư. Sau đây là một số khái niệm thường gặp:

- Chính sách dân số có thể được định nghĩa như là những quy định về mặt pháp lý, những chương trình quản lý, điều hành và những hoạt động khác của Chính phủ nhằm vào việc thay thế hoặc sửa đổi xu hướng phát triển dân số trong thời điểm hiện tại có quan tâm tới lợi ích và sự sống còn của quốc gia (*International Encyclopedia of Social Sciences-Vol 11-12, 1977*).

- Chính sách dân số bao gồm các biện pháp nhằm xoá đi khoảng cách giữa tổng số những đứa trẻ thực sự sinh ra trong xã hội và số trẻ mà xã hội có thể chấp nhận (thông qua một số biện pháp đặc biệt trong việc quyết định để đạt được những mục tiêu xã hội quan trọng).

2. Đặc điểm của chính sách dân số

Phân tích các khái niệm về chính sách dân số nêu trên cho thấy những điểm không đồng nhất về bản chất của các khái niệm chính sách dân số thông qua các đặc điểm cơ bản như sau:

- Có nhiều hình thức thể hiện một chính sách dân số, nó có thể bằng một văn bản, bằng một thông báo chính thức, bằng một tuyên bố của Chính phủ, của cơ quan được ủy quyền hoặc nó có thể được phỏng đoán từ một loạt các hoạt động được công khai của Chính phủ, của cơ quan được ủy quyền.

- Có nhiều cơ quan có thẩm quyền ban hành và thực thi chính sách dân số tùy thuộc vào cơ cấu tổ chức bộ máy của mỗi quốc gia. Có thể là Chính phủ, cơ quan, tổ chức được Chính phủ ủy quyền hoặc cũng có thể là cơ quan, tổ chức của Chính phủ, phi Chính phủ tổ chức thực hiện các biện pháp công khai nhằm tác động trực tiếp, gián tiếp đến quá trình dân số hoặc có thể là các hoạt động, các hương ước, quy ước

của cộng đồng hướng vào những khía cạnh xã hội, nhưng lại có tác động đến xu hướng dân số.

3. Khái niệm hợp lý về chính sách dân số ở nước ta

Khái niệm chính sách: Chính sách là những chuẩn tắc cụ thể để thực hiện đường lối, nhiệm vụ. Chính sách được thực hiện trong một thời gian nhất định, trên những lĩnh vực cụ thể nào đó (*Từ điển Bách Khoa Việt Nam 1, trang 475, nhà xuất bản Từ điển Bách Khoa, 2000*).

Khái niệm pháp luật: Pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự chung do Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận, thể hiện ý chí của giai cấp thống trị, được bảo đảm thực hiện bằng sức mạnh cưỡng chế của Nhà nước, là yếu tố bảo đảm sự ổn định và trật tự xã hội (*Lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật, tập 1, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia*).

4. Vai trò của chính sách dân số

- Định hướng mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, hoạt động theo những cơ cấu ưu tiên, khuyến khích nhân tố tích cực, hạn chế nhân tố bất lợi trong việc thực hiện mục tiêu dân số bao gồm quy mô, cơ cấu, phân bố và chất lượng dân số. Việc giải quyết mục tiêu dân số có ý nghĩa quyết định đến sự phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm công bằng và sự phát triển bền vững của xã hội.

- Định hướng, hướng dẫn khung pháp lý để bảo đảm hoạt động của các chủ thể trong xã hội và bảo đảm hành vi của công dân cùng hướng, góp phần ổn định và trật tự xã hội và phù hợp với bản chất, nội dung của chính sách dân số.

- Đề ra tiêu chuẩn, định mức, chế độ, cơ chế và phương thức thực hiện để điều tiết cụ thể đối với các đối tượng tham gia và đối tượng thụ hưởng phù hợp với yêu cầu và thực tế khách quan trong từng giai đoạn.

- Vai trò của cơ quan, tổ chức ban hành chính sách dân số là bảo đảm hình thức của chính sách dân số phù hợp với mục đích, mục tiêu điều chỉnh.

- Vai trò của đối tượng tiếp nhận và đối tượng tham gia tác động để thực hiện chính sách là phải chủ động thực hiện các hành vi, các mối quan hệ phù hợp với mục đích, mục tiêu và các hoạt động của chính sách dân số.

II. PHẠM VI CỦA CHÍNH SÁCH DÂN SỐ

1. Những chính sách khuyến khích sinh

- Cấm nạo phá thai hoặc chỉ cho phép nạo phá thai trong trường hợp nguy cơ tử vong của cả mẹ và thai nhi nếu tiếp tục mang thai.

- Cấm sử dụng các biện pháp tránh thai hoặc được cung cấp, sử dụng các biện pháp tránh thai, nhưng quy định các điều kiện khá chặt chẽ và như là rào cản nhằm hạn chế việc cung cấp và sử dụng biện pháp tránh thai.

- Cho phép sử dụng các biện pháp tránh thai nhưng không được tuyên truyền quảng cáo trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên các trục đường giao thông, tại các nơi công cộng và tập trung đông người.

- Không có bất kỳ biện pháp khuyến khích sinh hoặc hạn chế sinh, nhưng việc phân phối sản phẩm và việc thực hiện chính sách xã hội tính theo số người trong hộ gia đình mang lại nhiều lợi ích thiết thực cho gia đình đông con và có tác động gián tiếp khuyến khích sinh.

- Bán các phương tiện tránh thai là bất hợp pháp hoặc cho phép bán phương tiện tránh thai, nhưng với điều kiện ràng buộc rất khắt khe, không thuận tiện cho việc sử dụng biện pháp tránh thai.

- Miễn, giảm thuế thu nhập cho các gia đình đông con. Mỗi quốc gia quy định đối tượng được miễn, giảm thuế thu nhập tùy theo số con cụ thể và tỷ lệ giảm thuế thu nhập tăng theo số con hiện có của mỗi gia đình.

- Các quyền lợi ưu tiên cho bà mẹ có nhiều con được các quốc gia quy định khá phong phú, từ vinh danh bà mẹ anh hùng; động viên khuyến khích tinh thần, hỗ trợ vật chất, chăm sóc sức khỏe, miễn phí dịch vụ khám thai, đỡ đẻ, được nghỉ làm việc có hưởng lương để chăm sóc con và được hưởng các điều kiện thuận lợi trong đời sống, sinh hoạt và công tác.

2. Những chính sách hạn chế sinh

2.1. Quy định về số con

- Quy định số con cụ thể của mỗi cặp vợ chồng, bắt buộc đăng ký thời gian sinh con và số con, cấp giấy phép cho các cặp vợ chồng nếu muốn sinh con.

- Quy định và thực hiện các biện pháp xử lý đối với những cặp vợ chồng sinh nhiều con, bao gồm việc xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính, đóng góp quỹ phúc lợi công cộng đối với tập thể, cộng đồng.

- Bắt cả trẻ em nộp thuế theo đầu người. Trẻ em nằm ngoài diện số con quy định thì không được hưởng các quyền lợi như trẻ em trong diện số con quy định.

- Những cặp vợ chồng đã có đủ số con theo quy định thì bắt buộc triệt sản hoặc bắt buộc sử dụng các biện pháp tránh thai tạm thời để điều khiển sinh.

- Khuyến khích nạo, phá thai hoặc cho nạo phá thai mà không có bất kỳ điều kiện ràng buộc hoặc cho phép nạo phá thai với một số điều kiện ràng buộc.

2.2. Khuyến khích cung cấp, sử dụng biện pháp tránh thai

- Chính phủ hỗ trợ chương trình ¹KHHGD tự nguyện do các cá nhân, tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ triển khai thực hiện thông qua các hình thức trực tiếp (đầu tư kinh phí) hoặc gián tiếp (khuyến khích, ủng hộ, tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động trong việc tổ chức thực hiện chương trình KHHGD).

- Chính phủ hỗ trợ, ủng hộ hoặc cam kết thực hiện chương trình KHHGD thông qua việc ban hành chính sách, pháp luật, chương trình, dự án và đầu tư kinh phí, tổ chức bộ máy để thực hiện chương trình KHHGD hoặc các chương trình, dự án liên quan đến KHHGD.

- Đầu tư kinh phí, nhân lực, cơ sở vật chất, sử dụng các cơ sở y tế công cộng để làm dịch vụ KHHGD và mở rộng mạng lưới, nâng cao chất lượng dịch vụ của các

¹ Kế hoạch hóa gia đình

cơ sở công lập, ngoài công lập trong việc thực hiện chương trình KHHGD.

- Bãi bỏ quy định cấm nạo thai hoặc cho phép nạo phá thai theo nguyện vọng hoặc cho phép nạo phá thai với những điều kiện cụ thể.

- Bao cấp hoặc tạo điều kiện thuận lợi hoặc cho hưởng những ưu đãi đối với các cơ sở công lập, ngoài công lập của các tổ chức, tập thể, tư nhân tham gia cung cấp dịch vụ KHHGD.

- Khuyến khích mở rộng mạng lưới cung cấp phương tiện tránh thai và dịch vụ KHHGD thông qua việc hỗ trợ đào tạo, cấp chứng chỉ cho đội ngũ cộng tác viên, tuyên truyền viên và trả thù lao cho người cung cấp, tư vấn, theo dõi, giúp đỡ người sử dụng biện pháp tránh thai.

- Cung cấp miễn phí hoặc trợ giá phương tiện tránh thai, dịch vụ SKSS/KHHGD thông qua việc thực hiện tiếp thị xã hội các phương tiện tránh thai và dịch vụ SKSS/KHHGD.

- Miễn giảm thuế nhập khẩu phương tiện tránh thai và dụng cụ KHHGD. Ưu đãi về đầu tư sản xuất, đất đai, vốn, thuế kinh doanh đối với các đơn vị sản xuất kinh doanh trong nước về phương tiện tránh thai.

- Quảng cáo các thành tựu nghiên cứu ứng dụng các biện pháp tránh thai và các kỹ thuật mới trong việc thực hiện chương trình KHHGD.

2.2.4. Khuyến khích giáo dục dân số

- Khuyến khích đưa việc giáo dục dân số với những nội dung phù hợp với từng lứa tuổi vào từng lớp học, cấp học trong nhà trường phổ thông, các trường chuyên nghiệp và các trường nghiệp vụ của các ngành đoàn thể.

- Giáo dục dân số ngoài nhà trường dưới nhiều hình thức cho các nhóm đối tượng ngoài nhà trường và tổ chức sinh hoạt ngoại khóa, sinh hoạt chuyên đề cho các đối tượng trong nhà trường.

III. PHÂN LOẠI CHÍNH SÁCH DÂN SỐ

1. Phân loại theo quá trình dân số

1.1. Nhóm chính sách tác động trực tiếp tới sinh

Chính sách tác động trực tiếp đến sinh bao gồm hai mục đích là khuyến khích sinh và hạn chế sinh. Tùy theo mỗi mục đích mà đưa ra các quy định nhằm khuyến khích hay hạn chế. Các quy định về số lượng con và các trường hợp đặc biệt liên quan đến quy định số lượng con, thời gian sinh con, khoảng cách giữa các lần sinh; quy định việc mang thai, nạo phá thai; quy định việc khuyến khích, hỗ trợ các trường hợp vô sinh, sinh con theo phương pháp khoa học.

1.2. Nhóm chính sách tác động trực tiếp tới tử vong

- Chính sách chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân, bao gồm cả việc rèn luyện thân thể, đặc biệt chú trọng chính sách chăm sóc sức khỏe ban đầu, tiêm chủng mở rộng, phòng chống dịch bệnh và chính sách bảo vệ, chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em.

- Chính sách phòng chống tai nạn, đặc biệt là tai nạn giao thông, tai nạn của thiên tai, tai nạn lao động và các tai nạn thương tích đối với trẻ em. Có thể khẳng định rằng, chính sách tác động trực tiếp tới tử vong là tổng hợp các chính sách kinh tế xã hội nhằm nuôi dưỡng, phát triển và bảo vệ sự sống của con người.

2. Phân loại theo kết quả dân số

Với cách phân loại theo kết quả dân số thì có thể nhận biết được bốn kết quả về quy mô dân số, cơ cấu dân số, chất lượng dân số và phân bố dân số. Phân loại theo kết quả dân số có thể chia theo sáu nhóm chính sách là: i) chính sách điều chỉnh quy mô dân số, ii) chính sách điều chỉnh cơ cấu dân số, iii) chính sách nâng cao chất lượng dân số, iv) chính sách phân bổ lại lao động và dân số, v) chính sách điều kiện đảm bảo cho việc thực hiện chính sách dân số, Vi) chính sách kinh tế xã hội tác động gián tiếp đến kết quả dân số.

3. Phân loại theo hướng tác động

Với cách phân loại theo hướng tác động thì có thể nhận biết được sự tác động là trực tiếp hay gián tiếp đến quá trình dân số hoặc đến kết quả dân số. Phân loại theo hướng tác động có thể chia theo hai nhóm chính sách dân số là chính sách dân số trực tiếp và chính sách dân số gián tiếp.

4. Phân loại theo hình thức thể hiện

Phân loại theo hình thức thể hiện có thể có thể chia theo ba nhóm chính sách chủ yếu là: i) các văn bản quy phạm pháp luật nhằm tạo khung pháp lý trong việc điều chỉnh các hành vi, quan hệ xã hội của mỗi cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức trong việc thực hiện chính sách dân số; ii) các văn bản đề ra đường lối, định hướng chiến lược, chỉ đạo việc điều chỉnh mục tiêu, giải pháp và cơ chế thực hiện chính sách dân số; iii) các văn bản quy định tiêu chuẩn, định mức, chi tiết hóa, hướng dẫn và khuyến khích việc thực hiện chính sách dân số.

IV. RÀ SOÁT, KIỂM TRA CHÍNH SÁCH DÂN SỐ

1. Tự rà soát, kiểm tra

Cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền ban hành văn bản tổ chức tự rà soát, kiểm tra văn bản chính sách dân số do mình ban hành trước khi cơ quan, tổ chức có chức năng, thẩm quyền kiểm tra.

2. Rà soát, kiểm tra của cơ quan, người có thẩm quyền

Việc tổ chức rà soát, kiểm tra của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền rà soát, kiểm tra văn bản theo chức năng, nhiệm vụ hoặc được phân công, bao gồm:

- Rà soát, kiểm tra văn bản do cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản gửi đến;
- Tổ chức đoàn tiến hành việc rà soát, kiểm tra theo chuyên đề, theo địa bàn hoặc theo ngành, lĩnh vực.

3. Rà soát, kiểm tra khi nhận được yêu cầu, kiến nghị

Mọi cơ quan, tổ chức và cá nhân khi phát hiện có dấu hiệu trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo trong quá trình thực hiện, có quyền phản ánh với cơ quan thông tin đại chúng và đề nghị cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền rà soát, kiểm tra và phân tích văn bản chính sách dân số đã ban hành.

V. XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH DÂN SỐ

1. Quy trình xây dựng chính sách

Xem xét, phân tích các xu hướng dân số trong quá khứ và hiện tại. Điều quan trọng nhất là phải xác định được các vấn đề về xu hướng dân số trong quá khứ và hiện tại là đang đứng ở đâu trong quá trình vận động của nó và so sánh với xu hướng dân số với quốc tế và những quốc gia có điều kiện tương đồng.

Xác định các nhân tố tác động và nguyên nhân ảnh hưởng đến các xu hướng dân số trong quá khứ và hiện tại. Việc xác định các nhân tố tác động và nguyên nhân ảnh hưởng cần được thực hiện đầy đủ, toàn diện và trong khả năng có thể, cần lượng hóa mức độ tác động của từng nhân tố và từng nguyên nhân ảnh hưởng.

2. Mô hình hoạch định chính sách sử dụng bằng chứng

2.1. Mô hình thích hợp (rational model)

Các nhà hoạch định chính sách dân số sẽ tự xác định vấn đề, sau đó sẽ thu thập thông tin và xử lý thông tin về các mục tiêu, giải pháp và hậu quả, và lựa chọn giải pháp phù hợp nhất.

2.2. Mô hình gia tăng (incremental model)

Hoạch định chính sách dân số là một quá trình gồm nhiều bước và nhiều vấn đề chi tiết, trong đó mỗi vấn đề chi tiết được đề cập một vài lần. Mỗi bước đều được đánh giá, phân tích từng vấn đề chi tiết. Vì vậy, quá trình này chịu chi phối của nhiều yếu tố, nhiều người có liên quan.

2.3. Mô hình hệ thống (networking model)

Mỗi quan tâm và ảnh hưởng của nhiều đối tượng khác nhau có thể ảnh hưởng tới quá trình tăng tiến. Một số những đối tác có thể tăng cường sự ảnh hưởng của mình thông qua việc thành lập những hệ thống mà các thành viên có thể xây dựng những mối quan hệ lâu dài và chứng tỏ uy tín của mình.

3. Xây dựng chính sách dân số dựa vào yếu tố tác động

3.1. Hệ thống dịch vụ dân số và các cấu phần của nó

- Tổ chức và quản lý hệ thống dịch vụ dân số bao gồm cơ cấu tổ chức bộ máy, chức năng nhiệm vụ và mối quan hệ giữa các cấu phần trong nội bộ hệ thống dịch vụ và cơ chế quản lý đối với cơ sở dịch vụ dân số và giữa cơ sở dịch vụ dân số với các cấu phần của nó.